

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 126/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24/3/2025

Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định, bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 647/2024/TLST-HNGĐ ngày 29/11/2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1988. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn K, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

Người được anh G ủy quyền giao, nhận văn bản: Chị Lưu Thu P, sinh năm 2002- Nhân viên của Công ty L và Cộng sự. Địa chỉ liên hệ: Ngõ D D, phường M, quận C, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn K, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các văn bản gửi cho Tòa án, nguyên đơn là anh **Nguyễn Văn G** trình bày: Anh với chị **Nguyễn Thị N** tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 23/01/2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, thường xảy ra tranh cãi do tính cách, quan điểm sống khác nhau. Vợ chồng nhiều lần nói chuyện và được gia đình hòa giải, động viên nhưng không khắc

phục được mâu thuẫn. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2022 và hiện không còn tình cảm với nhau nên anh khởi kiện xin ly hôn chị N.

Anh với chị N có 02 con chung là Nguyễn Việt A- sinh ngày 25/12/2008 và Nguyễn Thị Bảo N1- sinh ngày 08/6/2011. Anh đề nghị Tòa án lấy lời khai của các cháu về việc muốn ở cùng ai và giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh và chị N tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung.

Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày thống nhất với anh Nguyễn Văn G về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung của vợ chồng. Năm 2018, cả hai vợ chồng cùng đi lao động tại Đài Loan. Mặc dù không ở cùng một chỗ nhưng cuối tuần vợ chồng vẫn gặp nhau và chia sẻ với nhau các vấn đề của cuộc sống. Tháng 10/2022, chị về Việt Nam sinh sống, còn anh G vẫn ở lại Đài Loan. Khoảng 01 năm sau khi chị về nước thì anh G không quan tâm, không chia sẻ với chị bất cứ vấn đề gì và cắt đứt mọi liên lạc với chị làm cho tình cảm dần lạnh nhạt. Vì vậy chị tự nguyện nhất trí ly hôn anh G.

Chị trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung từ tháng 10/2022 đến nay nhưng anh G không gửi tiền nuôi con cùng chị. Nay ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi cả hai con cho tới khi thành niên và đề nghị Tòa án buộc anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị với mức 2.500.000đ/con/tháng kể từ tháng 10/2022 cho đến khi con chung thành niên.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ các quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho anh Nguyễn Văn G được ly hôn chị Nguyễn Thị N. Giao hai con chung là Nguyễn Việt A- sinh ngày 25/12/2008 và Nguyễn Thị Bảo N1- sinh ngày 08/6/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng chị N là 2.500.000đ/con/tháng kể từ tháng 3/2025 cho tới khi con chung thành niên. Buộc anh G phải hoàn trả chị N chi phí nuôi dưỡng con chung từ tháng 10/2022 đến hết tháng 02/2025 là 115.000.000đ. Anh G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn G hiện đang sinh sống tại Đài Loan. Bị đơn là chị Nguyễn Thị N hiện đang cư trú tại xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37,

điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa và đều có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn G và chị Nguyễn Thị N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hải Dương ngày 23/01/2008. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Anh G cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do tính cách, quan điểm sống khác nhau. Chị N cho rằng anh G không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình. Mặc dù các bên trình bày khác nhau nhưng đều thống nhất xác định vợ chồng đã sống ly thân, không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, hỗ trợ nhau các vấn đề của cuộc sống trong nhiều năm nay và không có biện pháp khắc phục. Hiện anh G xin ly hôn, chị N nhất trí ly hôn nhưng vì các đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử cần xử cho anh G được ly hôn chị N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: Anh G với chị N có 02 con chung là Nguyễn Việt A- sinh ngày 25/12/2008 và Nguyễn Thị Bảo N1- sinh ngày 08/6/2011. Anh G đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng con chung theo nguyện vọng của các cháu. Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung phù hợp với nguyện vọng của cháu Việt A, cháu N1 đều muốn ở cùng chị N. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử cần giao cháu Việt A và cháu N1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi thành niên.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Trình bày của chị N phù hợp với các tài liệu đã thu thập tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định chị N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung từ tháng 10/2022 đến nay. Chị N yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.500.000đ/con/tháng kể từ tháng 10/2022 đến nay nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh các khoản chi phí nuôi con.

[4.1] Theo phản ánh của đại diện khu dân cư, chi phí trung bình mỗi tháng để nuôi dưỡng một đứa trẻ có độ tuổi tương đương với cháu Việt A, cháu N1 vào năm 2022 là 3.000.000đ; năm 2023 là 3.500.000đ; năm 2024 là 4.000.000đ. Như vậy tổng chi phí trung bình để nuôi dưỡng cháu Việt A, cháu N1 từ tháng 10/2022 đến hết tháng 6/2024 = $(3.000.000\text{đ}/\text{con}/\text{tháng} \times 02 \text{ con} \times 03 \text{ tháng của năm 2022}) + (3.500.000\text{đ}/\text{con}/\text{tháng} \times 02 \text{ con} \times 12 \text{ tháng của năm 2023}) + (4.000.000\text{đ}/\text{con}/\text{tháng} \times 02 \text{ con} \times 06 \text{ tháng của năm 2024}) = 150.000.000\text{đ}$. Cháu Việt A, cháu N1 là con chung của anh G và chị N nên mỗi người phải chịu một nửa chi phí = $150.000.000\text{đ} : 2 = 75.000.000\text{đ}$.

[4.2] Tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024 quy

định: “Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”. Nhận thấy anh G có địa chỉ cư trú trong nước ở xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương là địa bàn thuộc vùng II có mức lương tối thiểu vùng theo quy định là 4.410.000đ/tháng. Vì vậy Hội đồng xét xử cần buộc anh G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N từ tháng 7/2024 đến hết tháng 02/2025 = 2.500.000đ/con/tháng x 02 con x 08 tháng = 40.000.000đ.

[4.3] Anh G không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Do đó anh G phải hoàn trả cho chị N chi phí nuôi dưỡng hai con chung từ tháng 10/2022 đến hết tháng 02/2025 = 75.000.000đ + 40.000.000đ = 115.000.000đ và phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N là 2.500.000đ/con/tháng kể từ tháng 3/2025 cho tới khi con chung thành niên. Cấp dưỡng theo tháng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng và án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải hoàn trả chị N theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 119 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn G và chị Nguyễn Thị N.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Việt A- sinh ngày 25/12/2008 và Nguyễn Thị Bảo N1- sinh ngày 08/6/2011 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

chung cùng chị N là 2.500.000đ/con/tháng (hai triệu năm trăm nghìn đồng một con một tháng) kể từ tháng 3/2025 cho tới khi con chung thành niên. Cấp dưỡng theo tháng.

Buộc anh Nguyễn Văn G phải hoàn trả chị Nguyễn Thị N chi phí nuôi dưỡng con chung từ tháng 10/2022 đến hết tháng 02/2025 là 115.000.000đ (một trăm mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn G phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, 300.000đ án phí cấp dưỡng và 5.750.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Tổng là 6.350.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0005386 ngày 29/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh G phải nộp tiếp số tiền án phí là **6.050.000đ** (sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Lạc Long, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thị Phương Thúy